

LỜI TỰA KIM THẠCH KỶ DUYÊN(*)

P.MIDAN

Thúng tôi đã phát hiện ra một văn bản chép tay **Kim thạch kỷ duyên** trong một gia đình thuộc các con cháu của tác giả Bùi Quang Nghĩa ⁽¹⁾ sau gần một năm rưỡi tìm kiếm. Mà các bản thảo chép tay đều không thể có cuộc sống lâu dài ở đất nước này: ẩm ướt, mối mọt và sự lãnh đạm của con người đối với các văn bản khó đọc này, hơn nữa, rất ít người hiểu được chúng, và hình như số người am hiểu về chúng lại mỗi ngày mỗi giảm; có lẽ đấy chính là lý do cập nhật và dễ hiểu nhất. Hội nghiên cứu về Đông Dương ⁽²⁾ và thực hiện một sự giúp đỡ là nhận xuất bản một trong những tác phẩm rất hiếm có mà xứ Nam Kỳ có quyền tự hào về nó.

Kim thạch kỷ duyên được viết bằng chữ Nôm. Và chữ Nôm đã có một sự tồn tại từ lâu đời. Hình như ông P.Pelliot đã nói rằng, cuối thế kỷ XIII và đầu thế kỷ XIV, ở An Nam văn học bằng ngôn ngữ

thông tục (bình dân) đã phát triển. Rất có thể, ngay từ lúc đó, người ta đã sáng tạo ra một loại chữ có tính chất ngữ âm phát sinh từ chữ Hán mà người ta gọi nó là chữ Nôm. Tại sao nền văn học này lại truyền đến chúng ta ít đến thế? Đường như cần phải tìm ra lý do, không những trong thời kỳ đô hộ ngắn ngủi của nhà Minh đầu thế kỷ XV, mà còn trong dấu tích sâu xa mà người An Nam đã gìn giữ được từ những thế kỷ dài phụ thuộc Trung Hoa cho đến năm 968. Ngôn ngữ của những người khai hoá là ngôn ngữ của các thể loại văn học đã được nâng cao lên chút ít. Ngôn ngữ thông tục có lúc được sử dụng trong thơ ca, nhưng trước hết là trong truyện thơ dài và tuồng hát. Và lại, các ông Hoàng đế An Nam tương đối sợ tác dụng mà những tác phẩm được viết bằng ngôn ngữ thông tục có ảnh hưởng đến dân tộc họ.

Sau đó, ông P.Pelliot lại dẫn ra một điều lệnh của năm 1718 ⁽³⁾ có liên quan tới những văn bản chữ Nôm: "đối với các cuốn sách có tầm quan trọng cho việc giáo dục của thời đại, có thể truyền bá chúng bằng cách in ấn. Nhưng mới vừa đây, những kẻ xúi giục làm loạn đã dùng những câu nôm na trong các câu truyện kể bằng ngôn ngữ địa phương quê mùa và không phân biệt được điều hay lẽ dở, đã khắc chúng lên các tấm ván, rồi in chúng và đem bán.

(*) . Lời tựa *Kim thạch kỷ duyên*, ký hiệu VNV 72, Thư viện Viện nghiên cứu Hán nôm.

⁽¹⁾ . Bùi Quang Nghĩa tức Bùi Hữu Nghĩa tức Bùi Hữu Nghĩa (1807 - 1872), người làng Long Xuyên, phủ Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh (nay là tỉnh Cần Thơ). Ông là nhà văn Việt Nam và nổi tiếng thơ hay của Lục tỉnh Nam Kỳ. Ngoài vở tuồng *Kim thạch kỷ duyên* và nhiều thơ chữ Nôm, chữ Hán, ông còn có một số tác phẩm khác như vở tuồng *Tây du*, *Mộng tông*. Rất đáng tiếc, hiện nay chúng ta chưa sưu tầm được đầy đủ các tác phẩm của ông (ND).

⁽²⁾ . Hội nghiên cứu về Đông Dương được thành lập năm 1883. Nó được giao nhiệm vụ tiếp tục và mở rộng việc nghiên cứu của Ủy ban Nông - Công nghiệp Nam Kỳ. Ngoài các vấn đề nông nghiệp và kỹ nghệ ra, Hội còn nghiên cứu các vấn đề về lịch sử, ngôn ngữ, khảo cổ, mỹ thuật, dân tộc học, v.v... của Đông Dương (ND).

⁽³⁾ . Đây là lệnh chỉ của chúa Trịnh Cương ban bố năm Vĩnh Thịnh 14 (1718) đời Lê Dụ Tông (ND).

Đó chính là điều cần nghiêm cấm. Từ nay, tất cả những người mà ở gia đình họ có tấm ván hoặc bản in sách như thế thì đều phải đưa đến nộp cho các vị quan lại, để các vị ấy kiểm tra và huỷ đi toàn bộ".

Việc bài xích này mà các tác phẩm chữ Nôm phải gánh chịu, đã cắt nghĩa rằng chúng còn rất ít, và cũng đã bộc lộ sự bấp bênh của những quy tắc đã áp dụng để tạo nên các chữ. Thật vậy, các tác phẩm được xuất bản là kết quả của những cố gắng lẻ tẻ, và mỗi nhà nho đã áp dụng những quy tắc riêng của họ. Và có lẽ, tất cả đều xuất phát từ cùng một nguyên tắc thẳng thắn theo bản năng, đã không thua kém hơn việc trình bày chùng ấy những thể thức áp dụng mà các tác giả đã có. Ông P. Pelliot nhấn thêm: "Vả chăng, điều đáng chú ý rằng, những người An Nam không tỏ vẻ nghĩ đến việc định hình ngôn ngữ của họ bằng một cuốn từ điển, và có lẽ chỉ có hai tác phẩm gần giống từ điển mà tôi biết. Đó là tập tự vựng Hán - Việt có nhan đề: *Nhật dụng thường đàm* (日用常談), in năm 1857, và một tập tự vi vạn luật Hán - Việt do vua Tự Đức biên soạn với mục đề: *Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca* (嗣德聖製自學解義歌) và những tấm ván khắc chữ của nó đã được lưu giữ ở Sở quán Huế".

Cho đến ngày nay, những quy tắc cấu tạo chữ Nôm đã không được pháp điển hoá, nhưng mà người ta đã phát hiện ra một vài lời chỉ giáo đại cương có khả năng làm sáng tỏ con đường của những người hằng quan tâm đến vấn đề này.

Các chữ Nôm (喃字), chữ Nam (喃字) (các chữ của nước phía Nam, An Nam) phái sinh từ chữ Hán. Theo một bài giảng truyền khẩu của ông Phạm Quỳnh ở trường Cao học

Hà Nội thì đây là quá trình phái sinh. Ngôn ngữ nói An Nam gồm có:

1. Các từ Hán không biến đổi hoặc ít ra cũng đã giữ được cách phát âm do chữ Hán truyền sang ngôn ngữ quan lại An Nam, tức là từ Hán - Việt.

2. Các từ rút ra từ chữ Hán và khác rất ít so với từ Hán - Việt để nhằm chỉ chữ Hán tương ứng. Ví dụ: chữ *biết*, dĩ nhiên là bắt nguồn từ chữ *biệt* (chữ Hán: 別), chữ *côi* (mồ côi) chắc chắn là do chữ *cô* sinh ra (chữ Hán: 孤)

3. Các từ đã biến đổi một cách sâu sắc nhất:

Ví dụ:

chữ *nhà* chắc chắn bắt nguồn từ chữ *gia*

(家)

chữ *ghê* " chữ *kỷ* (几)

chữ *lỡ* " chữ *lễ* (禮)

4. Các từ hình như tạo nên bản chất riêng của tiếng nói An Nam, hoặc các từ không thể khắc phục được trong lúc này.

Các từ thuộc loại thứ nhất, hiển nhiên là thường được biểu thị bởi các chữ Hán. Còn các từ thuộc loại thứ hai thì hầu như luôn luôn là chữ Hán. Các từ của hai loại sau (tức loại 3/ và 4/ - ND) đã được thể hiện bởi những ký hiệu mới. Nếu chúng ta xem xét kỹ hình thức và nguồn gốc thì chắc chắn có hai loại chữ Nôm:

1. Các chữ Hán thực sự.

2. Các chữ mà những yếu tố đơn thuần được vay mượn từ chữ Hán, và sự tập hợp các chữ ấy lại hoàn toàn An Nam. Vả chăng, nếu chúng ta lại xem xét kỹ các chữ thuần Hán thì chúng ta sẽ nhận thấy rằng, nếu một số chữ còn giữ được nghĩa ban đầu của nó cũng như âm của nó, (vấn đề là âm Hán - Việt, và không phải là âm Hán đích thực), thì các chữ khác đã mang một ý nghĩa khác và phát âm cũng khác. Chúng ta hãy lấy một ví

dụ về bốn câu thơ đầu của Truyện Kim Vân Kiều:

Trăm năm trong cõi người ta

稟 幹 劫 埃 取 些

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

字 才 字 命 害 羅 惜 饒

Trải qua một cuộc bể dâu

駛 戈 汶 司 凌 抽

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng

仍 調 曉 覺 麻 痘 惡

Các chữ Hán (gạch dưới) có trong văn bản An Nam đều không hẳn là có ý nghĩa như các chữ Hán trong tiếng Hán. **Ta**, trong tiếng Hán có nghĩa là một ít, chút ít, nhưng trong tiếng An Nam có nghĩa là *Tôi* (từ kép: *người ta* có nghĩa là *người*); **Ta** của tiếng Hán ở đây chỉ giữ lại giá trị ngữ âm của nó mà thôi. Chữ **Tài** thì đã giữ lại nghĩa của tiếng Hán: *Tài năng*. **Khéo** (tiếng Hán đọc là *Kháo*), trong tiếng Hán có nghĩa là : *hang, hầm* để chứa đồ ở dưới đất, còn trong tiếng An Nam, nó có nghĩa là *khéo*. Là (âm Hán là *La*), tức là *Là* trong tiếng An Nam, còn ở tiếng Hán, nghĩa của *La* là : *lưới đánh cá*. Chữ **Nhau**: (cùng nhau, lẫn nhau...) bắt nguồn từ chữ **Nhiêu**: dồi dào. **Qua**: tức là đi qua, còn trong tiếng Hán là : *cái giáo, cái mác*. **Một** trong tiếng Hán có nghĩa là: *chìm ngập, chết*.

Vậy thì tóm lại hệ thống chữ Nôm có hai loại chữ .

- Loại chữ thứ nhất bao gồm:

a. Các chữ Hán được dùng để biểu thị những từ Hán đã đi vào ngôn ngữ An Nam: **Tài**,...

b. Các chữ Hán được sử dụng theo nghĩa bóng, các từ của tiếng An Nam phát sinh hiển nhiên từ tiếng Hán, và nhìn

chung chỉ bị biến đổi hơi hợt.: **Cục** thành **cuộc**, vv...

c. Các chữ Hán chỉ được sử dụng một cách duy nhất về âm song không giống nhau chút nào về nghĩa: **Một, qua, ta, vv...**

Thường thường, để chỉ sự thay đổi về nghĩa hoặc ngữ điệu của một chữ Hán, người ta đặt một cái dấu (<) ở phía trên và bên phải chữ. Đôi khi, người ta cũng đặt ở phía trên và bên trái chữ một dấu là chữ khẩu (口) (có nghĩa là *mồm, miệng*).

- Loại chữ thứ hai gồm có:

Các chữ An Nam, tức là toàn bộ các chữ đó là của An Nam, nhưng các yếu tố của các chữ An Nam lại vay mượn từ tiếng Hán: "*Trăm năm trong...*"

Việc phân tích các chữ "Nôm" đã được nâng cao trong những câu thơ đầu Truyện Kim Vân Kiều, chứng tỏ rằng tất cả các chữ này đã được tạo nên do hai yếu tố của tiếng Hán:

Trăm được tạo thành **Bách** (百), yếu tố ghi ý mang nghĩa: *trăm*, và nó cũng tạo nên từ chữ **Lâm** (林) - yếu tố ngữ âm. Tiếng Hán - Việt cũng như tiếng Hán không có R. Người ta bắt buộc phải sử dụng một chữ mà sự phát âm của nó gần giống sự phát âm của một từ An Nam.

Năm được tạo nên từ chữ **Niên** (年) - yếu tố ghi ý: năm, và cũng được tạo thành từ chữ **Nam** (南) : phương Nam) - yếu tố ngữ âm. Vậy các chữ Nôm của loại thứ hai nói chung được tạo nên từ hai yếu tố ghép đôi; ở bên trái có một yếu tố ghi ý mang nghĩa của từ ghép; ở bên phải có một yếu tố ngữ âm dẫn tới sự phát âm trong tiếng An Nam. Nhưng cũng đã có những ngoại lệ cho quy tắc này, chẳng hạn đối với chữ: **Trời**, là do hai yếu tố hợp thành và cả hai đều có một

nghĩa:

天) 天 : thiên: Trời
 上) 上 : thượng: ở phía trên

Còn phải kể ra các chữ được tạo thành từ một chìa khoá, và từ một yếu tố phức tạp của trí óc sáng tạo hoàn toàn An Nam, như chữ:

Mời (唵)

Các từ chìa khoá của tiếng Hán được sử dụng nhiều nhất là 人口之求 木才#草朕, và những từ chìa khoá này có cùng một giá trị trong tiếng Hán. Từ chìa khoá "khẩu" (口), trong tiếng An Nam và trong tiếng Hán đều chỉ toàn bộ cái có quan hệ tới lời nói, tiếng cười, tiếng hát, ho, v.v...cũng như hành động ăn, uống, khạc, nhổ, thở hít, đây là từ chìa khoá được sử dụng nhiều nhất.

内	:	nội:	唵	(nói)
天	:	thiên ou tsien	(phát âm của tiếng Hán)	
口	:	khẩu	吁	(xin)
安	:	an	啖	(ăn)
王	:	vương	啜	(uống)
言	:	ngôn	啜	(ngon)

Cơ cấu hình thành chữ Nôm hình như tương đối đơn giản. Nhưng trên thực tế, việc đọc một văn bản đã bộc lộ ra những khó khăn nghiêm trọng mà người ta chỉ có thể chiến thắng được nó bằng việc thực hành. Sở dĩ có những khó khăn này là do:

1- Cái mà người ta phải thường xuyên đoán ra như người ta đã làm ở tiếng Pháp đối với một văn bản viết sai chính tả.

2- Thiếu sự tương hợp đối với việc lựa chọn những yếu tố tượng hình được sử dụng như những yếu tố ngữ âm;

sự khác nhau của những ký hiệu này cũng được sử dụng với cùng một từ thường hay làm lạc hướng và gây hoang mang.

Từ "đến" chẳng hạn, có thể biểu đạt bằng hai chữ "Nôm" khác nhau:

至	至	chí: đến	(yếu tố ghi ý)
典	典	điển: sách	(yếu tố ngữ âm)
至	至	chí: đến	(yếu tố ghi ý)
旦	旦	đán: ngày	(yếu tố ngữ âm)

Theo quy tắc chung, nhận thấy rằng, đây chính là yếu tố ngữ âm đã bị thay đổi.

3- Việc bỏ sót đặc tính ngữ âm và ghi ý, mà từ đó có sự bấp bênh về nghĩa.

4- Chính bản chất của một số yếu tố là các cách viết tắt của các chữ Hán theo quy tắc:

夕 (làm) thay cho 為 (vi), nghĩa là: làm

5- Sự khác biệt vẫn tồn tại giữa phương tiện ngữ âm của từ Hán - Việt, và phương tiện ngữ âm của từ An Nam. Chính vì vậy, mà từ Hán - Việt không có những phụ âm G và R, và nó cũng không dung nhận những nguyên âm E và O như là ngoại lệ; đồng thời nhiều âm cuối mất đi như nhiều phụ âm đôi trong On, Au, Eo và En, và chúng được thay thế bằng Yen.

6- Sự trùng hợp ngẫu nhiên của các yếu tố được phát âm với một âm đã bị bỏ sót không dùng nữa, hoặc người ta chỉ gặp lại nó nhiều hơn trong một vài nhóm phái sinh.

7- Vì thiếu rất thường xuyên sự tương ứng trong cách đánh trọng âm.

8- Tóm lại, có lúc rất thường xuyên, một từ An Nam phát sinh hiển nhiên từ tiếng Hán, nhưng phải trải qua một sự biến đổi ít nhiều sâu sắc, nó được biểu thị bằng một từ ghép hoàn toàn An Nam hơn là các từ Hán.

Những ghi chú trên cho phép bắt đầu một ý niệm về những khó khăn mà chữ Nôm thể hiện. Để hiểu nó, cần phải biết tiếng An Nam, và trong một chừng mực nào đó cả tiếng Hán.

Các chữ Nôm xuất hiện như thế nào? Và có phải là do ý tưởng yêu nước nhằm sáng tạo ra ngôn ngữ dân tộc cũng như ý đồ muốn giữ bỏ ảnh hưởng của Trung Hoa? Có lẽ ít có khả năng xảy ra: Các tiếng An Nam đã tồn tại ở người An Nam.

Trong tất cả mọi lĩnh vực quá ư gần bó thủý chung để dừng lại ở ý niệm này. Trong thực tế, các chữ Nôm là một mẫu chữ cải biên từ các chữ Hán trên phương diện từ vựng và cú pháp An Nam, - một xu hướng trong cội nguồn dân gian về sự đơn giản hoá một ngôn ngữ được khẩn thiết đặt ra để tìm hiểu nó trong nhiều năm dài nghiên cứu, và nó đã trở thành của riêng của một thiểu số người rất nhỏ ở nước An Nam. Chỉ cần biết tiếng nói An Nam và biết từ hai đến ba nghìn chữ Hán thì có thể viết và hiểu được chữ Nôm, tuy rằng còn lâu chúng ta mới có thể đọc và viết được chữ Hán thuần tuý. Mặt khác, những người mà chúng ta sẽ không gọi họ là các nhà nho mặc dù họ thoả mãn đầy đủ các điều kiện này. Họ đã được một cử toạ dốt nát hiểu khi họ đọc rất to những văn bản bằng chữ Nôm. Ngay từ đó, chúng ta hiểu rất rõ việc chống đối của các nhà nho chính cống đối với việc cách tân này. Sự đổi mới này đã làm tổn thương đến uy tín của các nhà nho, và đã tạo ra một phương tiện truyền bá tư tưởng vừa tầm với một số lượng người lớn nhất. Thậm chí, nó còn đe dọa đến toàn bộ quyền lực của Hoàng đế, bởi vì nó sẽ cho phép việc phổ biến những tư tưởng mới.

Những nhược điểm của chữ Nôm sinh ra từ chính nguyên lý đã đứng hàng

đầu trong sự ra đời và hình thành chữ Nôm. Nếu đáp ứng đủ cho việc truyền bá những tư tưởng hiện hành và cho việc chỉ định những cái cụ thể, thì ngay khi chúng ta gặp phải cái trừu tượng, chúng ta đã tỏ ra bất lực. Và chính lúc ấy, chúng ta phải hướng về tiếng Hán. Chúng ta đã có thể ngăn ngừa được hiện tượng đó bằng cách rút lấy một số lượng lớn nhất những dấu ghi ý và ngữ âm trong tiếng Hán, và phối hợp chúng theo các quy tắc đã xác định vững chắc được phái sinh từ nguyên lý hình thành đầu tiên. Văn tự như thế đã có thể tiếp cận với một số lượng người lớn nhất, và có thể, tiếng An Nam đã có thành tích của mình trong một số lượng các tác phẩm nguyên bản lớn nhất. Các tác giả sinh ra, đáng lẽ phải phóng tác theo phong cách Trung Hoa, lịch sử Trung Hoa, truyền thuyết Trung Hoa và phong tục tập quán Trung Hoa, thì mượn cảm ứng trong lịch sử và trong nền Folklore của nước họ. Nhưng các chữ Nôm đã chống lại họ, Hoàng đế và nhất là các nhà nho. Hơn nữa, nước An Nam không có Chaucer (4) để đáp ứng đặt ngôn ngữ vào trong một hệ thống hình thành. Phải nói hành động chống đối này của các nhà nho là không hay. Chúng ta hãy giả định rằng một số ít người đã áp đặt ở xứ Gaule(5) ngôn ngữ của những người La - Tinh, lấy cơ rằng tiếng nói bản xứ thiếu tính rành mạch, và là một thứ ngôn ngữ pha trộn giữa các từ ngữ bản địa, các từ tiếng Đức, và các từ tiếng La - Tinh suy đồi được thu nhận một cách tồi tệ. Chính từ đó, mà sau những năm bấp bênh và mò mẫm, ngôn ngữ Pháp đã ra đời. Và đó chính là lịch sử của hầu hết tất cả các ngôn ngữ. Ảnh hưởng của các nhà nho là không hay. Tri thức mà họ đạt được sau nhiều năm dài nghiên cứu, đã đưa đến cho họ một uy thế tinh thần lớn lao, và đã làm cho họ trở thành những vị chủ sự văn chương của đất nước.

Và có lẽ, không phải việc chống đối của các vị hoàng đế mạnh đến nỗi đã làm cản trở đến sự ra đời của một ngôn ngữ dân tộc: Là hành vi thù nghịch hay chỉ là sự coi thường của thiểu số người rất nhỏ, đã bị gây ảo giác bởi cái từ nước Trung Hoa tới và muốn giữ cho Trung Hoa sự độc quyền về học thức cũng như giáo dưỡn. Các giấy tờ chính thức (quanphương) luôn luôn được viết bằng chữ Hán thuần túy. Và trong thời gian dài, như ông P. Pelliot đã nhận ra điều này, các nhà nho chỉ sử dụng các chữ Nôm trong truyện thơ và trong các vở kịch sân khấu dành cho dân chúng. Nếu nhà nho này cảm thấy cần thiết có một ngôn ngữ cho mình, thì ông ta không có một chút nào những kích lệ cần thiết hơn thế đối với ông ta vì hệ thống các chữ, dù đã đơn giản hoá, vẫn bộc lộ ra nhiều khó khăn rắc rối hơn hệ thống chuyển dịch La - Tinh.

Phải nói, hiện nay còn lại rất ít những tác phẩm viết bằng chữ Nôm. Và

trong số đó vẫn còn những tác phẩm quý giá như *Kim Vân Kiều*, *Lục Vân Tiên* và *Kim Thạch kỳ duyên*.

Cả ba tác phẩm lớn này đã bộc lộ một cách tài tình số phân mông manh cuối cùng của các chữ Nôm. Và từ nay trở đi tiếng Quốc ngữ và tiếng Pháp đủ cho việc biểu hiện tư tưởng An Nam. Nếu các chữ Nôm đã bị ruồng bỏ hẳn, và nếu chúng chỉ tồn tại mãi mãi ở trạng thái bê tha, thì chúng sẽ là một trong những biểu hiện lý thú nhất của hoạt động nhân văn và cũng là một trong những cố gắng kỳ diệu nhất của ý thức các dân tộc về tri thức.

Người dịch: **Nguyễn Hà - Kiều Thu Hoạch**

(4). Chaucer (Geoffrey), Khoảng 1340 - 1400, nhà thơ lớn nước Anh, và là một trong những người khởi đầu của nền thơ ca Anh (ND).

(5). Gaule (la) : Nước Pháp xưa (ND).

THÔNG BÁO

Toà soạn TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC đã nhận được bài của các cộng tác viên sau (tính từ 1- 4 - 1996 đến ngày 30 - 6 - 1996) :

Phùng Quỳnh, Vũ Hồng Thuật, Nguyễn Ngọc Hoà, Nguyễn Duy Thiệu, Nguyễn Thanh Nga, Bùi Xuân Đỉnh, Đỗ Ngọc Yên (Hà Nội); Nguyễn Khoa Bình(2) (TTH), Đỗ Thanh Phương (QNĐN), Nguyễn Ngọc Thưởng.

Bài vở các cộng tác viên toà soạn đang xem xét, khi nào sử dụng sẽ thông báo đến tác giả.